TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HỊA XỸ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 - VĨNH LONG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 8 – 2025
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Trung Du
2/ Ông Trần Văn Lập
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long : Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 –Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 232/2025/TLST – HNGĐ ngày 20/5/2025 về việc ***"Tranh chấp Ly hôn",*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Hồng X, sinh năm 1982.
Địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn*: Anh Phạm Thanh Đ sinh năm 1981.
Địa chỉ cư trú: ấp A, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn*** Nguyễn Hồng X ***trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Chị X và anh Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 23/02/2007 tại UNND xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, anh Đ nhiều lần có hành vi đánh, chửi mắng, xúc phạm chị X. Nay chị X nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Thúy A, sinh năm 05/12/2008 và Phạm Nguyễn K, sinh ngày 21/10/2011. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa là 1.000.000đ/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Thanh Đ trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất nguyên đơn về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, quá trình chung sống, con chung, tài sản chung. Anh Đ cho rằng giữa anh và chị X không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh Đ thừa nhận trước đây (không nhớ thời gian) khi uống rượu say không kiềm chế cảm xúc nên anh Đ có đánh và chửi mắng, xúc phạm chị X vài lần, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường mâu thuẫn. Nay anh Đ không đồng ý ly hôn với chị X vì anh Đ muốn đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau chăm sóc cho con.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Thúy A, sinh năm 05/12/2008 và Phạm Nguyễn K, sinh ngày 21/10/2011. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi đồng ý giao cho chị X trực tiếp nuôi 02 con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung là 1.000.000đ/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

+ Chị X: Giữ nguyên ý kiến trình bày.

+ Anh Đ: Giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền: Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

[1] Về mối quan hệ hôn nhận:

Xét yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa chị X và anh Đ có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh, chị có nhiều mâu thuẫn như: Bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, anh Đ nhiều lần có hành vi đánh, chửi

mắng, xúc phạm chị X; Mặc khác anh Đ cũng thừa nhận trước đây (không nhớ thời gian cụ thể) khi uống rượu say không kiềm chế cảm xúc nên anh Đ có đánh và chửi mắng, xúc phạm chị X vài lần. Đồng thời, chị X và anh Đ hiện tại đã ly thân với nhau từ tháng 02/2025 đến nay.

Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X yêu cầu xin ly hôn với anh Đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 56 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh Đ.

[2] Về con chung: Xét chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa là 1.000.000đ/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Thúy A, sinh năm 05/12/2008 và Phạm Nguyễn K, sinh ngày 21/10/2011. Sau khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao 02 con cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời 02 con cũng có nguyện vọng sống chung với chị X nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa X và anh Đ về con chung.

[2.2] Anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung là 1.000.000đ/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa X và anh Đ về mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm:

+ Chị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

+ Anh Đ phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, khoản 1 Điều 39, 91, 92, 147 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng X được ly hôn với anh Phạm Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thúy A, sinh năm 05/12/2008 và Phạm Nguyễn K, sinh ngày 21/10/2011 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phạm Thanh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tải sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí :

Chị X phải nộp 300.000đ án phí ly. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0010153 ngày 20/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Vĩnh Long). Chị X đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Đ phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Kv4;
- P THADS Kv4;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mỡn